

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Báo cáo tài chính hợp nhất

*Cho giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào
ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét*

Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)



CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	04 - 04
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 43

011729
CÔNG TY
CHUYÊN NGHIỆP
VỤ TƯ VẤN
KẾ TÍNH
KIỂM TOÁN
LIÊN NAM
TP.HỒ C

1293
CÔNG
CỔ PHẦN
TRT
TP.H

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TRT (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần TRT là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0312933227 ngày 18 tháng 09 năm 2014; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 11 năm 2016; thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 12 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 04 năm 2017 và thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 04 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: **100.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, bất động sản, thi công xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh:

Trồng cây hồ tiêu, cây sao su, cây cà phê, cây chè, trồng cây lâu năm khác, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; in ấn, dịch vụ liên quan đến in; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất trang trí; dịch vụ phục vụ đồ uống; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; thoát nước, xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; độc hại; tái chế phế liệu; xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống điện; hoàn thiện công trình xây dựng; đại lý, môi giới, đấu giá; buôn bán nông lâm sản nguyên liệu; vận tải hành khách đường bộ; dịch vụ đóng gói, dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động thiết kế chuyên dụng; đại lý du lịch, điều hành tua du lịch

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Vốn điều lệ đã góp của Công ty con và Công ty liên kết	Vốn thực góp của Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con: 02 Công ty con				
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	41.000.000.000	24.600.000.000	60%	60%
<i>(Ngành nghề kinh doanh chính: Thương mại cà phê, gia công sơ chế cà phê, kinh doanh bất động sản).</i>				
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư 579	30.000.000.000	20.400.000.000	68%	68%
<i>(Ngành nghề kinh doanh chính: Thi công cơ điện M&E, Kinh doanh kho bãi, bất động sản).</i>				
Công ty liên kết: 01 Công ty				
+ Công ty CP xử lý rác thải Bến Tre	78.000.000.000	31.000.000.000	41%	41%
<i>(Ngành nghề kinh doanh chính: Xử lý rác thải và sản xuất tái chế phế phẩm từ rác thải).</i>				

Thông tin về ngày sở hữu Công ty con và Công ty liên kết

- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty TNHH Tín Thành Đạt. Kể từ ngày 23/02/2017 Công ty TNHH Tín Thành Đạt chính thức trở thành Công ty con của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần 579. Kể từ ngày 24/05/2017 Công ty cổ phần 579 chính thức trở thành Công ty con của Công ty
- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xử lý rác thải Bến Tre. Kể từ ngày 29/03/2017 Công ty cổ phần xử lý rác thải Bến Tre trở thành Công ty liên kết của Công ty

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 30/06/2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30/06/2017 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Thời gian bãi nhiệm	Thời gian bổ nhiệm
Bà :	Nguyễn Công Triều Tiên	Chủ tịch	21/04/2017
Ông:	Nguyễn Hùng Cường	Chủ tịch	21/04/2017
Ông:	Đoàn Đức Quý	Thành viên	16/06/2017
Bà :	Trương Nhị Hà	Thành viên	16/06/2017
Ông:	Đỗ Mạnh	Thành viên	16/06/2017
Ông:	Đặng Xuân Hữu	Thành viên	16/06/2017

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Nguyễn Hùng Cường	Tổng Giám đốc
------	-------------------	---------------

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông:	Trần Xuân Huy	Trưởng ban
Ông:	Trần Văn Khánh	Thành viên
Ông:	Bùi Bảo Khánh Duy	Thành viên

Đại diện theo pháp luật:

Ông:	Nguyễn Hùng Cường
------	-------------------

Kế toán trưởng:

Bà:	Trương Thị Nhuận	11/06/2017
Bà:	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	11/06/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần TRT phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính 06 tháng đầu năm 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

Số: ~~AHC~~ /BCKT/TC/2017/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
của Công ty Cổ phần TRT

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần TRT, được lập ngày 20 tháng 07 năm 2017 từ trang 05 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần TRT chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410. Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2017

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2013-142-1

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (08) 3820 5944 - (08) 3820 5947 - Fax: (08) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		109.765.775.286	55.753.439.007
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	34.809.905.978	1.067.260.595
111	1. Tiền		24.809.905.978	1.067.260.595
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		29.500.626.723	50.716.568.918
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	8.427.528.079	50.716.568.918
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		16.043.098.644	
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn			
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.04	5.030.000.000	
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.05	44.629.792.557	3.920.613.994
141	1. Hàng tồn kho		44.629.792.557	3.920.613.994
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		825.450.028	48.995.500
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		694.456.902	
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		130.993.126	48.995.500
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		50.048.391.274	
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		207.000.000	
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác	V.04	207.000.000	
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định		4.816.388.473	
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.07	4.816.388.473	
222	- Nguyên giá		5.198.796.444	
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(382.407.971)	
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính			
225	- Nguyên giá			
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	V.06	12.510.607.488	
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		12.510.607.488	
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.02	30.924.766.626	
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		30.924.766.626	
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.589.628.687	
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.08	1.631.400.828	
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
269	5. Lợi thế thương mại		(41.772.141)	
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		159.814.166.560	55.753.439.007

50.172
CÔNG TY
HỮU HẠN
HỢP NHẤT
KIỂM TOÁN
PHẦN A
TP. HCM

293.222
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TRT
TP. HCM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		14.723.113.292	11.888.598.731
310	I. Nợ ngắn hạn		14.512.066.617	11.888.598.731
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.09	244.703.000	8.383.535.269
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			2.493.677.143
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	3.856.147.765	1.011.386.319
314	4. Phải trả người lao động		98.145.833	
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.11	104.745.019	
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.13	45.120.000	
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.12	10.163.205.000	
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		211.046.675	
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn			
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			
337	7. Phải trả dài hạn khác			
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn			
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Cổ phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		211.046.675	
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.14	145.091.053.269	43.864.840.276
410	I. Vốn chủ sở hữu		145.091.053.269	43.864.840.276
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100.000.000.000	40.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	40.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển			
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		17.703.940.842	3.864.840.276
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.659.484.023	108.459.000
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		12.044.456.819	3.756.381.276
422	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
429	13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		27.387.112.427	
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		159.814.166.560	55.753.439.007

Người lập biểu

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	102.299.257.306
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		102.299.257.306
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	91.060.185.263
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.239.072.043
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	7.191.244.436
22	7. Chi phí tài chính	VI.04	
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		(117.005.515)
25	8. Chi phí bán hàng	VI.05	557.333.303
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.05	1.805.601.980
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.950.375.683
31	11. Thu nhập khác	VI.06	1.578.044.200
32	12. Chi phí khác	VI.07	5.236.308
40	13. Lợi nhuận khác		1.572.807.892
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		17.523.183.575
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	3.030.383.407
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.10	211.046.675
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.281.753.493
61	18. Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ		13.764.043.624
62	19. Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát		517.709.869
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	2.504
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	2.504

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

06 tháng đầu của năm tài chính 2017 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		150.553.522.908
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(140.028.375.252)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(861.266.925)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(971.686.319)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		37.071.885.600
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(43.890.636.506)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.873.443.506
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.125.578.182)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		25.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(74.196.456.451)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		20.000.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.191.236.510
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28.130.798.123)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		60.000.000.000
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		60.000.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		33.742.645.383
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.067.260.595
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		34.809.905.978

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần TRT là công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0312933227 ngày 18 tháng 09 năm 2014; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 1 ngày 28 tháng 11 năm 2016; thay đổi lần thứ 2 ngày 05 tháng 12 năm 2016; thay đổi lần thứ 3 ngày 05 tháng 04 năm 2017 và thay đổi lần thứ 4 ngày 24 tháng 04 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2017 là: **100.000.000.000 VND**

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, bất động sản, thi công xây dựng

3. Ngành nghề kinh doanh

Trồng cây hồ tiêu, cây sao su, cây cà phê, cây chè, trồng cây lâu năm khác, trồng rừng và chăm sóc rừng, khai thác gỗ, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu; sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; in ấn, dịch vụ liên quan đến in; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; bán buôn chuyên doanh khác chưa được đưa vào đâu; bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất trong tư; dịch vụ phục vụ đồ uống; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; thoát nước, xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; độc hại; tái chế phế liệu; xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; lắp đặt hệ thống điện; hoàn thiện công trình xây dựng; đại lý, môi giới, đấu giá; buôn bán nông lâm sản nguyên liệu; vận tải hành khách đường bộ; dịch vụ đóng gói, dịch vụ hỗ trợ giáo dục; kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu; chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản; đấu giá quyền sử dụng đất; hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động thiết kế chuyên dụng; đại lý du lịch, điều hành tua du lịch

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.****6. Cấu trúc Công ty**

Công ty con:

- Tổng số các Công ty con : 02
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất : 02
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất : 0

- Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		30/06/2017	30/06/2017
+ Công ty TNHH Tín Thành Đạt	570 Phạm Văn Đồng, P.Đông Đa, TP. Pleiku, Tỉnh Gia Lai	60%	60%
+ Công ty Cổ phần Đầu Tư 579	Phòng 607, tầng 6 tòa nhà Vinahud, đường Trung Yên 9, KĐT Trung Yên, P.Trung Hòa, Q.Cầu Giấy, TP. Hà Nội	68%	68%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Danh sách công ty liên kết bao gồm: 01 Công ty liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
		30/06/2017	30/06/2017
+ Công ty CP xử lý rác thải Bến Tre	493E Lộ Thầy Cai, ấp Phú Thành, Xã Phú Hưng, TP. Bến Tre, tỉnh. Bến Tre	41,0%	41,0%

II . KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1 . Chế độ kế toán:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 . Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV . CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được hạch toán bù trừ chênh lệch tăng, giảm số còn lại được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính và không chia cổ tức trên chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

a. Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác: khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuê tài chính, bất động sản đầu tư:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán nếu không có bằng chứng chắn chắn cho thấy Công ty sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của Công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của Công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

+ Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công cụ tài chính**a. Tài sản tài chính**

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

Nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất

a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn và ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu

Kết quả kinh doanh của công ty con phải được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Đầu tư ban đầu và đầu tư tăng thêm tại công ty con:

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý.

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư tăng thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu.

Thoái vốn tại công ty con:

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với giá trị phần lợi thế thương mại chưa được phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con: toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con.

Công ty con, liên kết mua cổ phiếu quỹ:

- Khi công ty con mua lại cổ phiếu quỹ từ cổ đông không kiểm soát, tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trong tài sản thuần của công ty con sẽ tăng lên. Tuy nhiên sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ, phần giá trị tài sản thuần của công ty con do công ty mẹ nắm giữ có thể tăng hoặc giảm so với trước khi công ty con mua cổ phiếu quỹ tùy thuộc vào giá mua cổ phiếu quỹ. Công ty mẹ phải xác định phần sở hữu của mình trong giá trị tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi công ty con mua cổ phiếu quỹ. Phần chênh lệch trong giá trị tài sản thuần đó được ghi nhận trực tiếp vào chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;

- Khi công ty liên kết mua cổ phiếu quỹ, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của công ty liên kết sẽ tăng lên và nếu đủ để kiểm soát, nhà đầu tư sẽ trở thành công ty mẹ, công ty liên kết trở thành công ty con.

Công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ:

Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu "Cổ phiếu quỹ" của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con.

b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ vốn góp (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

c. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và các khoản thu nhập, chi phí trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được loại trừ hoàn toàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
Tiền mặt	2.634.700.219	65.450.000
Tiền gửi không kỳ hạn	22.175.205.759	1.001.810.595
Tiền đang chuyển		
Các khoảng tương đương tiền	10.000.000.000	
Ngân hàng VP Bank - CN TP.HCM	10.000.000.000	
Cộng	34.809.905.978	1.067.260.595

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

02 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

- a) Chứng khoán kinh doanh
 b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
 c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

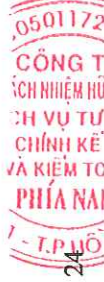
	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá trị đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá hợp lý	Dự phòng
		30/06/2017			01/01/2017	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	30.924.766.626					
+ Công ty cổ phần Xử lý rác thải Bến Tre (*)	30.924.766.626					
Cộng	30.924.766.626					

Ghi chú (*):

- Công ty Cổ Phần TRT đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Xử lý rác thải Bến Tre. Kể từ ngày 29/03/2017 Công ty cổ phần xử lý rác thải Bến Tre trở thành Công ty liên kết của Công ty.

- Đến ngày 30/06/2017 Công ty cổ phần xử lý rác thải Bến Tre đã thực hiện xong phần xây dựng xong phần cơ sở hạ tầng. Tổng mức đầu tư của dự án là 215.3380.000.000 đồng. Công ty đã tạm ứng 105.387.336.322 đồng cho các nhà thầu thi công lắp ráp máy móc thiết bị hệ thống xử lý rác thải. Dự kiến tháng 06/2018 nhà máy sẽ đi vào vận hành chạy thử với công suất của Nhà máy rác thải Bến Tre là 200 tấn / 1 ngày.

(*) Do Công ty trên chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty này chưa thể xác định được đề trình bày trên theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Tóm tắt hoạt động của công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

- Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Lợi nhuận sau thuế	Lợi nhuận chưa phân phối
+ Công ty CP xử lý rác thải Bến Tre	41%	(285.379.304)	(2.573.739.936,0)

03 PHẢI THU KHÁCH HÀNG

a) Ngắn hạn

+ Công ty TNHH TM SX Thiết Kế Vinh Cơ

+ Công ty TNHH An Phú Vinh

+ Công ty TNHH MTV Tín Thành Đạt

+ Công ty TNHH Volcafe Việt Nam

+ Công ty TNHH Cơ Khí Chế tạo máy Công Minh

b) Dài hạn

Cộng

	30/06/2017	01/01/2017
	8.427.528.079	50.716.568.918
	3.696.325.033	3.696.325.033
	3.767.356.177	5.752.039.675
		39.895.710.700
	963.846.869	
		1.372.493.510
Cộng	8.427.528.079	50.716.568.918

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.03

04 PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

Phải thu khác

Phải thu đặt cọc tiền thuê kho bãi (*)

b) Dài hạn

Phải thu người lao động

Ký cược, ký quỹ dài hạn:

+ Đặt cọc tiền thuê văn phòng

Cộng

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	5.030.000.000			
	30.000.000			
	5.000.000.000			
	207.000.000			
	207.000.000			
	207.000.000			
Cộng	5.237.000.000			

Ghi chú (*): khoản tiền Công ty đặt cọc cho Công ty CP DT TMT&C Hà Nội để thực hiện các hợp đồng thuê kho hoặc nhận lại quyền thuê kho bãi theo hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng quyền thuê, sử dụng các dự án kho bãi số: 14/2017/BB-TC ký ngày 12 tháng 04 năm 2017.

05 HÀNG TỒN KHO

- Hàng đang đi đường

- Nguyên liệu, vật liệu xây dựng

- Công cụ, dụng cụ

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

(*)

- Thành phẩm

- Hàng hóa cà phê

Cộng

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	3.311.829.512		3.920.613.994	
	177.675.118			
	41.140.287.927			
Cộng	44.629.792.557		3.920.613.994	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Ghi chú (*):

Đây là chi phí của Dự án phân lô bán nền - khu dân cư cao cấp Pơ Lang Residence tại 570 Phạm Văn Đồng, phường Đồng Đa, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Dự án có tổng diện tích là 1,47 ha và tổng mức đầu tư 56.000.000.000 đồng. Cho đến ngày 30/06/2017 Dự án đã thực hiện xong việc giải phóng mặt bằng. Hiện tại Công ty đang thực lập qui hoạch và trình các cơ quan chức năng xem xét phê duyệt qui hoạch 1/500.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối kỳ: 0 đ
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 đ

06 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn****b) Xây dựng cơ bản dở dang**

+ Chi phí xây dựng nhà máy tre luồng ép và tấm lót đường xuất khẩu, tọa lạc tại: Xã Quang Trung, Huyện Ngọc Lặc, Tỉnh Thanh Hóa.

	30/06/2017	01/01/2017
+ Chi phí xây dựng kho Nguyên Khê tại khu Công nghiệp Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố, Hà Nội.	3.988.046.006	
+ Chi phí xây dựng kho Đại La số 128C Đại La, P.Đông Tâm, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	5.510.539.748	
+ Chi phí xây dựng kho Long Biên số 2/167, Phố Gia Quất, P.Thượng Thanh, Q.Long Biên, TP.Hà Nội.	894.089.620	
Cộng	12.510.607.488	

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

07. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm			1.071.941.818			5.198.796.444
2. Số tăng trong năm	4.126.854.626		1.071.941.818			1.071.941.818
- Mua trong năm						500.000.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	500.000.000					3.626.854.626
- Tăng khác	3.626.854.626					
3. Số giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
4. Số dư cuối năm	4.126.854.626		1.071.941.818			5.198.796.444
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm						
2. Khấu hao trong năm	377.197.143		5.210.828			382.407.971
- Khấu hao trong năm	166.417.823		5.210.828			171.628.651
- Tăng khác	210.779.320					210.779.320
3. Giảm trong năm						
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
4. Số dư cuối năm	377.197.143		5.210.828			382.407.971
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm						
2. Tại ngày cuối năm	3.749.657.483		1.066.730.990			4.816.388.473

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÍ

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

08. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	694.456.902	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	136.310.936	
Chi phí trả trước kho 128C Đại La	78.145.966	
Chi phí thuê kho Long Biên (*)	480.000.000	
b) Dài hạn	1.631.400.828	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	111.400.828	
Chi phí thuê kho Long Biên	1.520.000.000	
c) Lợi thế thương mại	(41.772.141)	
Lợi thế thương mại	(41.772.141)	
Cộng	2.284.085.589	

(*) Đây là chi phí trả trước tiền thuê kho tại địa chỉ số 2/167, Phó Gia Quát, P.Thượng Thanh, Q.Long Biên, TP.Hà Nội theo hợp đồng 15/2017/HĐKT/TC-579 ngày 30 tháng 06 năm 2017 giữa Công ty CP Đầu tư Công ty CP Đầu tư Thương mại T&C Hà Nội.

09. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	244.703.000	244.703.000	8.383.535.269	8.383.535.269
+ Công ty TNHH Trúc Nhã	235.000.000	235.000.000		
+ Bùi Văn Tài			818.100.000	818.100.000
+ Nguyễn Thị Ngọc Ánh			2.086.281.010	2.086.281.010
+ Nguyễn Thị Thu Hà			989.764.650	989.764.650
+ Công ty TNHH TM & ĐT Sen Phương Đông			4.489.389.609	4.489.389.609
+ Phải trả cho các đối tượng khác	9.703.000	9.703.000		
b) Dài hạn				
Cộng	244.703.000	244.703.000	8.383.535.269	8.383.535.269



CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có
- d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VIII.3

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/06/2017
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoạt động SXKD chính	969.686.319	3.534.725.760	973.887.321	3.530.524.758
Thuế GTGT		909.779.947	615.851.940	293.928.007
Thuế xuất nhập khẩu				
Thuế thu nhập cá nhân	41.700.000	33.795.000	43.800.000	31.695.000
Thuế tài nguyên				
Cộng	1.011.386.319	4.478.300.707	1.633.539.261	3.856.147.765

Quyết toán thuế sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

11 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

Chi phí trích trước

b) Dài hạn

Cộng

12 . PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)

+ Công ty CP ĐT VÀ XD Đạt Thành

+ Công ty CP ĐT XD VÀ TM Đức Việt

+ Công ty CP XD SAPPLUS Việt Nam

+ Công ty TNHH Đồng Xuân Việt Nam

+ Công ty TNHH TM VÀ DV VINACO

+ East Coast Productis PTE. LTD

+ SC Innovation (Hong Kong) Limited

+ Đối tượng khác

Các khoản phải trả, phải nộp khác

+ Phạm Huy Chiến

+ Các khoản phải trả khác

b) Dài hạn

Cộng

Ghi chú (*): Đây là số tiền khách hàng đặt cọc trước để đảm bảo cho hợp đồng thuê kho của Công ty.

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: không có

13 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngắn hạn

Doanh thu nhận trước

b) Dài hạn

Cộng

	30/06/2017	01/01/2017
	104.745.019	
	104.745.019	
	104.745.019	
	10.163.205.000	
	619.200.000	
	1.043.200.000	
	1.253.964.800	
	256.795.200	
	435.200.000	
	453.120.000	
	938.520.000	
	23.487.000	
	5.139.718.000	
	4.560.000.000	
	579.718.000	
	10.163.205.000	
	45.120.000	
	45.120.000	
	45.120.000	

01/2017
CÔNG TY
TRT
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP.HCM

2017
CÔNG TY
TRT
TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

14 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>30/06/2017</u>	%	<u>01/01/2017</u>	%
Vốn góp của công ty mẹ				
Vốn góp của các đối tượng khác	100.000.000.000	100,00%	40.000.000.000	100,00%
Cộng	100.000.000.000	100,00%	40.000.000.000	100,00%

14 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Kỳ này</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	21.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	60.000.000.000	19.000.000.000
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

14 . 4. Cổ phiếu	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

14 . 5. Các quỹ của Công ty	<u>30/06/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Quỹ đầu tư phát triển		
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

15 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN: Không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**06 tháng đầu năm
2017

a) Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ

102.299.257.306

Cộng

102.299.257.306

b) Doanh thu đối với các bên liên quan: Không phát sinh

02 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN06 tháng đầu năm
2017

- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm dịch vụ đã cung cấp

91.060.185.263

- Giá vốn khác

Cộng

91.060.185.263

03 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH06 tháng đầu năm
2017

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

2.191.244.436

Lãi bán các khoản đầu tư

5.000.000.000

Cộng

7.191.244.436

04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH06 tháng đầu năm
2017

Lãi tiền vay

Lỗ chênh lệch tỷ giá

Lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư

Cộng

05 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP06 tháng đầu năm
2017**05 . 1. Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên

557.333.301

Chi phí công cụ, dụng cụ

Chi phí khấu hao

Cộng

557.333.301

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

05 . 2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên

1.633.978.829

Chi phí công cụ, dụng cụ

171.623.151

Chi phí khấu hao

1.805.601.980**Cộng****06 . THU NHẬP KHÁC**06 tháng đầu năm
2017

Tiền phạt thu được

1.578.044.200

Các khoản khác

1.578.044.200**Cộng****07 . CHI PHÍ KHÁC**06 tháng đầu năm
2017

Các khoản bị phạt

5.236.308

Các khoản khác

5.236.308**Cộng****08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**06 tháng đầu năm
2017

Chi phí nguyên liệu, vật liệu

66.147.914.593

Chi phí nhân công

1.402.550.133

Chi phí khấu hao tài sản cố định

145.281.236

Chi phí dịch vụ mua ngoài

369.839.242

Chi phí khác bằng tiền

842.070.727

Cộng68.907.655.931**09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**06 tháng đầu năm
2017- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu
thuế kỳ hiện hành

3.030.383.407

Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

3.030.383.407**10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LOẠI**06 tháng đầu năm
2017- Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh
lệch tạm thời phải chịu thuế

211.046.675

Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại

211.046.675

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông
 Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế
 Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)

06 tháng đầu năm
2017

13.764.043.624

5.495.890

2.504

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông
 Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế
 Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm
 Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

06 tháng đầu năm
2017

13.764.043.624

5.495.890

2.504

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: không phát sinh
2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

03 Thông tin về các bên liên quan

a. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị (VND)
Ban Tổng Giám đốc + Phạm Huy Chiến	Cho Công ty TNHH Tín Thành Đạt mượn tiền	4.560.000.000

(Giám đốc Công ty con - Công ty TNHH Tín Thành Đạt)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Các khoản phải trả với các bên liên quan tại ngày 30/06/2017:

		<u>Phải trả (VND)</u>
+ Phạm Huy Chiến	Cho Công ty TNHH Tín Thành Đạt mượn tiền	4.560.000.000
(Giám đốc Công ty con - Công ty TNHH Tín Thành Đạt)		

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

06 tháng đầu năm
2017

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	66.000.000
Tiền lương	272.000.000

b. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Bên liên quanMối quan hệ

+ Công ty CP xử lý rác thải Bến Tre

Công ty liên kết

Trong kỳ, Công ty không có phát sinh các nghiệp vụ với công ty liên kết.

3501172
CÔNG T
CH NHIỆM HỮ
H VỤ TỰ
CHÍNH KẾ
A KIỂM TC
PHÍA NAI
LP HỒ

1293

CÔNG
CỔ P
TE

TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

04 . Thông tin bộ phận**a. Khu vực địa lý**

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài

- Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty

Đơn vị tính: VND

06 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Hà Nội	Gia Lai	TP.HCM	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		24.917.588.306	77.381.669.000	102.299.257.306
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		24.917.588.306	77.381.669.000	102.299.257.306
Kết quả kinh doanh theo bộ phận		497.305.761	10.741.766.283	11.239.072.043
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(2.362.935.281)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				8.876.136.762
Doanh thu hoạt động tài chính				7.191.244.436
Chi phí tài chính				(117.005.515)
Phản lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết				1.578.044.200
Thu nhập khác				(5.236.308)
Chi phí khác				(3.030.383.407)
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(211.046.675)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				14.281.753.493
Lợi nhuận sau thuế TNDN				5.198.796.444
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				195.441.296
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				



CÔNG TY CỔ PHẦN TRÍ

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo khu vực địa lý

30/06/2017

Chỉ tiêu	Hà Nội	Gia Lai	Tp.HCM	Tổng cộng
Tài sản bộ phận	36.628.260.542	49.307.000.869	73.878.905.149	159.814.166.560
Tài sản không phân bổ				
Tổng tài sản	36.628.260.542	49.307.000.869	73.878.905.149	159.814.166.560
Nợ phải trả bộ phận	5.398.558.724	5.822.981.257	3.501.573.311	14.723.113.292
Nợ phải trả không phân bổ				
Tổng nợ phải trả	5.398.558.724	5.822.981.257	3.501.573.311	14.723.113.292

b. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh

06 tháng đầu năm 2017

Chỉ tiêu	Kho bãi	Cà phê	Vật tư cơ điện	Tổng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		24.917.588.306	77.381.669.000	102.299.257.306
Tài sản bộ phận	36.628.260.542	49.307.000.869	73.878.905.149	159.814.166.560
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.030.607.488	3.738.255.454	1.571.941.818	19.340.804.760



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

05 . Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	30/06/2017	01/01/2017	30/06/2017	01/01/2017
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.809.905.978		34.809.905.978	1.067.260.595
Phải thu khách hàng	8.427.528.079		8.427.528.079	50.716.568.918
Trả trước cho người bán	16.043.098.644		16.043.098.644	
Các khoản phải thu khác	5.237.000.000		5.237.000.000	
Đầu tư tài chính ngắn hạn				
Đầu tư tài chính dài hạn	30.924.766.626		30.924.766.626	
Cộng	95.442.299.327		95.442.299.327	51.783.829.513
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	244.703.000		244.703.000	8.383.535.269
Người mua trả tiền trước				2.493.677.143
Vay và nợ				
Phải trả người lao động	98.145.833		98.145.833	
Trái phiếu chuyển đổi				
Các khoản phải trả khác	10.163.205.000		10.163.205.000	
Cộng	10.506.053.833		10.506.053.833	10.877.212.412

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

06 . Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TRT

Lầu M, Tòa nhà Đinh Lễ, Số 01 Đinh Lễ, Phường 12, Quận 4, TP.HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	244.703.000			244.703.000
Người mua trả tiền trước				
Các khoản phải trả phải nộp khác	10.163.205.000			10.163.205.000
Cộng	10.512.653.019			10.407.908.000

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau: Nguyên tệ USD

Chỉ tiêu	30/06/2017	01/01/2017
Tiền và các khoản tương đương tiền		
Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác		
Phải trả cho người bán và các khoản phải trả khác		
Vay và nợ thuê tài chính		
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ		

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường trong tương lai. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và đi vay.

Ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần

	30/06/2017	01/01/2017
Tỷ giá hối đoái VND và USD tăng 2%		
Tỷ giá hối đoái VND và USD giảm 2%		

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

06 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: VND

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d. Tài sản đảm bảo

- Tài sản thế chấp cho đơn vị khác: không phát sinh

- Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 20 tháng 07 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc




NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH

NGUYỄN HÙNG CƯỜNG